TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2026
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mộc Khải và bà Võ Thị Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thảo Vy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2026/TLST- HNGĐ ngày 30/01/2026 về "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Văn Vĩ, sinh năm 1998; CCCD: 075098004120; Địa chỉ: Tổ 04, ấp 13, xã Sông Ray, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Minh Thư, sinh năm 1999, số căn cước: 089.199.014.203; Địa chỉ: Tổ 7, ấp Ba Xưa, xã Thạnh Mỹ Tây, tỉnh An Giang. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vĩ trình bày:

Vào năm 2023 ông Vĩ và bà Thư tự tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai nay là xã Sông Ray, tỉnh Đồng Nai ngày 11/9/2023. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng không sống chung từ tháng 02 năm 2025 đến nay không liên lạc hay hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Vĩ cảm thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên yêu cầu ly

hôn với bà Thư. Ông và bà Thư không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kết quả xác minh tại ban ấp Ba Xưa, xã Thạnh Mỹ Tây được biết bà Phạm Thị Minh Thư, sinh năm 1999, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 7, ấp Ba Xưa, xã Thạnh Mỹ Tây, tỉnh An Giang. Tuy nhiên hiện tại bà Thư không có mặt tại địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Thư, nhưng bà Thư vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin không hòa giải và vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt;

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Vĩ được ly hôn với bà Thư. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không đề cặp xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thuộc khu vực 13, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung BLTTDS 2025.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vĩ và bà Thư kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lâm San nay là xã Sông Ray, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống ông Vĩ, bà Thư xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2025, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ chồng không chủ động hàn gắn tình cảm. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của ông Vĩ, bà Thư là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Vĩ ly hôn với bà Thư là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Ông Vĩ khai không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Vĩ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Vĩ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn Vĩ được ly hôn với bà Phạm Thị Minh Thư.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn Vĩ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 300694 ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; ông Vĩ đã nộp đủ án phí.

Bà Phạm Thị Minh Thư không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV13 - AG (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phòng THADS KV13 – AG (1);
- UBND xã Sông Ray, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương